

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Bộ tiêu chí và Hướng dẫn đánh giá hiệu quả hoạt động
của tổ chức khoa học và công nghệ công lập**

BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 08 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 55/2025/NĐ-CP ngày 02/3/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thông tin, Thống kê.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí và Hướng dẫn đánh giá hiệu quả hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Thông tin, Thống kê và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các đ/c Thứ trưởng;
- Lưu: VT, TTTK.

BỘ TRƯỞNG



★ Nguyễn Mạnh Hùng

BỘ TIÊU CHÍ VÀ HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CÔNG LẬP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2106/QĐ-BKHCN ngày 09 tháng 8 năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng đánh giá

Quyết định này áp dụng đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập bao gồm: Tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ công lập; cơ sở giáo dục đại học công lập, bệnh viện công lập có hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

Tổ chức khoa học và công nghệ ngoài công lập có thể vận dụng Bộ tiêu chí tại Quyết định này để đánh giá hiệu quả hoạt động.

Điều 2. Mục đích đánh giá

a) Kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động là căn cứ để xây dựng, điều chỉnh kế hoạch, phương án phân bổ và bố trí ngân sách nhà nước, số lượng người làm việc, sắp xếp tổ chức và áp dụng chính sách ưu đãi đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

b) Khuyến khích nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ công lập;

c) Xác định mức độ đóng góp của tổ chức vào hệ thống khoa học và công nghệ quốc gia, phục vụ điều chỉnh chiến lược và chính sách phát triển tổ chức.

Điều 3. Nguyên tắc đánh giá

Việc đánh giá kết quả hoạt động khoa học và công nghệ thực hiện theo các nguyên tắc sau:

a) Khách quan, công bằng, minh bạch;
b) Kết hợp giữa định lượng và định tính;
c) Phù hợp với tính chất, mức độ của hoạt động được đánh giá và khả năng cung cấp dữ liệu;

c) Kết hợp giữa đánh giá kết quả, đánh giá hiệu quả và đánh giá tác động;
d) Bảo đảm đánh giá được tác động lâu dài, bền vững về kinh tế, xã hội và môi trường;

đ) Loại trừ hoặc xem xét các yếu tố rủi ro, bất khả kháng trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Nội dung bộ tiêu chí

1. Bộ tiêu chí được xây dựng tương ứng với chức năng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của tổ chức bao gồm:

- a) Tổ chức thực hiện chức năng nghiên cứu cơ bản;
- b) Tổ chức thực hiện chức năng nghiên cứu ứng dụng;
- c) Tổ chức thực hiện chức năng phát triển công nghệ;
- d) Tổ chức thực hiện chức năng nghiên cứu chính sách - xã hội.

2. Tiêu chí đánh giá hiệu quả theo chức năng của tổ chức khoa học và công nghệ công lập như sau:

- Tiêu chí 1- Quá trình triển khai: 3 tiêu chí thành phần, tổng điểm tối đa 20 điểm;

- Tiêu chí 2- Kết quả đầu ra: 3 tiêu chí thành phần, tổng điểm tối đa 30 điểm;

- Tiêu chí 3- Hiệu quả sử dụng nguồn lực: 3 tiêu chí thành phần, tổng điểm tối đa 25 điểm;

- Tiêu chí 4- Tác động: 3 tiêu chí thành phần, tổng điểm tối đa 25 điểm.

Chi tiết Bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập được quy định tại Phụ lục I của Quyết định này.

Chi tiết hướng dẫn tính điểm các tiêu chí đánh giá được quy định tại Phụ lục II của Quyết định này.

Điều 5. Trình tự và thủ tục đánh giá

1. Xác định đối tượng và mục tiêu đánh giá

- a) Cơ quan chủ trì đánh giá có trách nhiệm xác định rõ đối tượng đánh giá.
- b) Mục tiêu đánh giá phải cụ thể, gắn với yêu cầu quản lý nhà nước, định hướng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đã được phê duyệt.

2. Xây dựng và phê duyệt kế hoạch đánh giá

- a) Kế hoạch đánh giá phải xác định rõ nội dung, tiêu chí, phương pháp, thời gian, nhân lực, kinh phí và cơ sở dữ liệu phục vụ đánh giá;

b) Kế hoạch đánh giá phải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước khi triển khai thực hiện.

3. Thông báo đánh giá

a) Cơ quan chủ trì đánh giá có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến đối tượng được đánh giá và các bên liên quan về nội dung, thời gian, phương pháp và thành phần tham gia đánh giá;

b) Thời điểm thông báo phải bảo đảm tối thiểu 10 ngày làm việc trước khi bắt đầu đánh giá để các bên chuẩn bị.

4. Thu thập và chuẩn bị dữ liệu đánh giá

a) Việc thu thập dữ liệu phục vụ đánh giá được thực hiện từ các nguồn thông tin hợp pháp, bao gồm: báo cáo thực hiện nhiệm vụ, tài liệu quản lý, kết quả nghiên cứu, số liệu thống kê, dữ liệu hành chính và các nguồn liên quan khác;

b) Các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời và chính xác thông tin, dữ liệu phục vụ công tác đánh giá theo yêu cầu của cơ quan chủ trì đánh giá.

5. Thực hiện đánh giá

a) Căn cứ kế hoạch đã được phê duyệt, cơ quan chủ trì đánh giá tổ chức thực hiện đánh giá bằng các phương pháp phù hợp, bảo đảm khách quan, độc lập và minh bạch;

b) Trong trường hợp cần thiết, việc đánh giá được thực hiện bởi hội đồng đánh giá hoặc tổ chức tư vấn đánh giá độc lập do cơ quan có thẩm quyền quyết định.

6. Lập và phê duyệt báo cáo kết quả đánh giá

a) Kết quả đánh giá được phân tích theo từng tiêu chí và mục tiêu đã đặt ra, bảo đảm phản ánh đầy đủ mức độ hoàn thành, hiệu quả và tác động của đối tượng đánh giá;

b) Báo cáo đánh giá phải thể hiện rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp, kết quả, kết luận và kiến nghị (nếu có), đồng thời được kiểm tra, xác nhận và phê duyệt theo quy định.

7. Công bố kết quả đánh giá và thực hiện kiến nghị

a) Kết quả đánh giá được công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của cơ quan chủ trì đánh giá và các phương tiện phù hợp khác;

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu và tổ chức thực hiện các kiến nghị tại báo cáo đánh giá nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm theo dõi, giám sát và báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của đánh giá theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 6. Phương pháp đánh giá

1. Đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện một chức năng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

Căn cứ vào Bộ tiêu chí đánh giá quy định tại quyết định này, tiến hành phân tích, lượng hóa các tiêu chí thành phần và tính điểm theo thang điểm quy định đối với từng tiêu chí thành phần.

Tổng số điểm đánh giá được tính như sau:

Điểm đánh giá cho mỗi tiêu chí ($\mathbb{D}_i$) là tổng điểm đánh giá của các tiêu chí thành phần ($\mathbb{D}_j$):

$$\mathbb{D}_i = \sum_{j=1}^j \mathbb{D}_j$$

Trong đó: j là số lượng các tiêu chí thành phần

Tổng điểm đánh giá cho tổ chức ($\mathbb{D}_T$) là tổng điểm của tất cả các tiêu chí đánh giá ($\mathbb{D}_i$).

2. Đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện đồng thời từ hai chức năng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trở lên

Tổ chức khoa học và công nghệ công lập xác định nguồn lực (tài chính, nhân lực) để thực hiện từng chức năng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

Mỗi chức năng được đánh giá riêng biệt theo bộ tiêu chí tương ứng với kết quả đánh giá độc lập như mục 1 nêu trên.

Việc xác định tỷ trọng (%) của từng chức năng trong hoạt động của tổ chức được thực hiện theo một trong các căn cứ sau:

- + Tỷ trọng lệ ngân sách sử dụng theo chức năng;
- + Tỷ trọng nhân lực phân bổ theo chức năng;

+ Tỷ trọng kết quả đầu ra theo từng chức năng.

Tổng điểm đánh giá (E) của tổ chức theo công thức:

$$E = \sum w_i \times ĐT_i$$

Trong đó:

- w_i là tỷ trọng (%) của nhóm chức năng i;
- $ĐT_i$ là điểm đánh giá của nhóm chức năng i (trên cùng một thang điểm).

3. Xếp loại hiệu quả hoạt động của tổ chức khoa học công nghệ công lập theo các mức sau.

- + Loại A: Xuất sắc - Tổng điểm đánh giá đạt từ 80 điểm trở lên;
- + Loại B: Hoàn thành tốt - Tổng điểm đánh giá đạt từ 60 đến < 80 điểm;
- + Loại C: Trung bình - Tổng điểm đánh giá đạt từ 40 đến < 60 điểm;
- + Loại D: Kém - Tổng điểm đánh giá đạt từ < 40 điểm.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Các cơ quan thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ

a) Cục Thông tin, Thống kê:

- Hướng dẫn và tổ chức thực hiện đánh giá hiệu quả hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

- Tổng hợp kết quả đánh giá hiệu quả của tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Đề xuất lãnh đạo Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung Bộ tiêu chí cho phù hợp với thực tiễn phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

b) Vụ Tổ chức cán bộ: Phối hợp với Cục Thông tin, Thống kê để tham mưu cho lãnh đạo Bộ Khoa học và Công nghệ trong công tác sắp xếp, quy hoạch các tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

c) Vụ kế hoạch – tài chính: Phối hợp với Cục Thông tin, Thống kê để tham mưu cho lãnh đạo Bộ Khoa học và Công nghệ trong công tác xây dựng, điều chỉnh kế hoạch, phương án phân bổ và bố trí ngân sách nhà nước cho các tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

Điều 8. Cơ quan quản lý khoa học và công nghệ thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Tổ chức đánh giá hiệu quả hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc phạm vi quản lý;
- Gửi hồ sơ kết quả đánh giá về Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền.

Điều 9. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập

- Chịu trách nhiệm trước đơn vị quản lý về kết quả tự đánh giá của tổ chức, phối hợp với đơn vị quản lý trong công tác tổ chức thực hiện đánh giá khi có yêu cầu;
- Thực hiện cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các số liệu của tổ chức khi được yêu cầu để phục vụ công tác đánh giá hiệu quả hoạt động của tổ chức.

CÔNG
NG



Phụ lục I
BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG
CỦA TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CÔNG LẬP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 49/2025/QĐ-BKHCN ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

1. ĐÁNH GIÁ TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHỨC NĂNG NGHIÊN CỨU CƠ BẢN

Sst	Tiêu chí	Điểm đánh giá	Tổng điểm
1	Tiêu chí 1: Quá trình triển khai	20	Tổng điểm tiêu chí 1 Đ_t(1)
1.1	Tính mới trong định hướng nghiên cứu của tổ chức	10	Đ ₁
1.2	Mức độ hợp tác nghiên cứu	5	Đ ₂
1.3	Cơ chế bảo đảm liên chính khoa học và đạo đức nghiên cứu	5	Đ ₃
2	Tiêu chí 2: Kết quả đầu ra	30	Tổng điểm tiêu chí 2 Đ_t(2)
2.1	Số lượng công bố quốc tế	10	Đ ₁
2.2	Số lần trích dẫn trung bình/công bố quốc tế (3 năm gần nhất)	10	Đ ₂
2.3	Số lượng công bố trong nước	10	Đ ₃
3	Tiêu chí 3: Hiệu quả sử dụng nguồn lực	25	Tổng điểm tiêu chí 3 Đ_t(3)
3.1	Số công bố quốc tế trên mỗi nhà nghiên cứu toàn thời gian	10	Đ ₁
3.2	Chi phí trung bình cho mỗi công bố quốc tế	5	Đ ₂
3.3	Tỷ trọng chi cho nhóm nghiên cứu mạnh	10	Đ ₃
4	Tiêu chí 4: Tác động	25	Tổng điểm tiêu chí 4 Đ_t(4)
4.1	Tác động đến định hướng học thuật	10	Đ ₁
4.2	Được sử dụng trong đào tạo đại học và sau đại học	10	Đ ₂
4.3	Vai trò trong các chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	5	Đ ₃
	TỔNG ĐIỂM	100	Điểm đánh giá cuối cùng ĐT = Đ_t(1)+ Đ_t(2)+ Đ_t(3)+ Đ_t(4)

2. ĐÁNH GIÁ TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHỨC NĂNG NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG

Stt	Tiêu chí	Điểm đánh giá	Điểm tiêu chí
1	Tiêu chí 1: Quá trình triển khai	20	Tổng điểm tiêu chí 1 Đ_t(1)
1.1	Tính mới trong định hướng nghiên cứu của tổ chức	10	Đ ₁
1.2	Mức độ hợp tác nghiên cứu	5	Đ ₂
1.3	Cơ chế bảo đảm liên chính khoa học và đạo đức nghiên cứu	5	Đ ₃
2	Tiêu chí 2: Kết quả đầu ra	30	Tổng điểm tiêu chí 2 Đ_t(2)
2.1	Công bố khoa học	10	Đ ₁
2.2	Sáng chế, giải pháp hữu ích, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng/chăn nuôi/thủy sản	10	Đ ₂
2.3	Kết quả mô hình thử nghiệm, thông số kỹ thuật	10	Đ ₃
3	Tiêu chí 3: Hiệu quả sử dụng nguồn lực	25	Tổng điểm tiêu chí 3 Đ_t(3)
3.1	Số lượng sáng chế, giải pháp hữu ích, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng/chăn nuôi/thủy sản trên mỗi tổ chức nghiên cứu	10	Đ ₁
3.2	Chi phí trung bình cho mỗi sáng chế, giải pháp hữu ích, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng/chăn nuôi/thủy sản, mô hình thử nghiệm	5	Đ ₂
3.3	Tỷ lệ doanh thu bên ngoài trên tổng doanh thu của tổ chức	10	Đ ₃
4	Tiêu chí 4: Tác động	25	Tổng điểm tiêu chí 4 Đ_t(4)
4.1	Kết quả nghiên cứu được tiếp nhận, sử dụng hoặc phát triển tiếp	10	Đ ₁
4.2	Được sử dụng làm căn cứ để ban hành tiêu chuẩn, định mức kỹ thuật ngành	10	Đ ₂
4.3	Thúc đẩy liên kết viện nghiên cứu - trường đại học - doanh nghiệp	5	Đ ₃
	TỔNG ĐIỂM	100	Điểm đánh giá cuối cùng ĐT = Đ_t(1)+ Đ_t(2)+ Đ_t(3)+ Đ_t(4)

3. ĐÁNH GIÁ TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHỨC NĂNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ

Stt	Tiêu chí	Điểm đánh giá	Điểm tiêu chí
1	Tiêu chí 1: Quá trình triển khai	20	Tổng điểm tiêu chí 1 $\mathbf{Đ_t(1)}$
1.1	Thiết kế, tích hợp và kiểm chứng kết quả nghiên cứu, phát triển công nghệ	5	$\mathbf{Đ_1}$
1.2	Mức độ nội địa hóa, làm chủ các thành phần công nghệ chính	10	$\mathbf{Đ_2}$
1.3	Liên kết sản xuất thử nghiệm, sản xuất với doanh nghiệp	5	$\mathbf{Đ_3}$
2	Tiêu chí 2: Kết quả đầu ra	30	Tổng điểm tiêu chí 2 $\mathbf{Đ_t(2)}$
2.1	Sáng chế, giải pháp hữu ích, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng/chăn nuôi/thủy sản được thương mại hóa	10	$\mathbf{Đ_1}$
2.2	Sản phẩm thử nghiệm đạt tiêu chuẩn kỹ thuật, được kiểm định bởi cơ quan độc lập	10	$\mathbf{Đ_2}$
2.3	Quy trình công nghệ được hoàn thiện và thương mại hóa	10	$\mathbf{Đ_3}$
3	Tiêu chí 3: Hiệu quả sử dụng nguồn lực	25	Tổng điểm tiêu chí 3 $\mathbf{Đ_t(3)}$
3.1	Tỷ lệ thương mại hóa của kết quả đầu ra	10	$\mathbf{Đ_1}$
3.2	Tỷ lệ doanh thu trên chi phí nghiên cứu phát triển của tổ chức	10	$\mathbf{Đ_2}$
3.3	Số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo được hình thành trong 3 năm gần nhất.	5	$\mathbf{Đ_3}$
4	Tiêu chí 4: Tác động	25	Tổng điểm tiêu chí 4 $\mathbf{Đ_t(4)}$
4.1	Nâng cao năng lực công nghệ cho các doanh nghiệp	10	$\mathbf{Đ_1}$
4.2	Tác động đến xã hội và môi trường	10	$\mathbf{Đ_2}$
4.3	Nâng cao năng lực công nghệ của lĩnh vực nghiên cứu	5	$\mathbf{Đ_3}$
	TỔNG ĐIỂM	100	Điểm đánh giá cuối cùng $\mathbf{ĐT = Đ_t(1) + Đ_t(2) + Đ_t(3) + Đ_t(4)}$

4. ĐÁNH GIÁ TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHỨC NĂNG NGHIÊN CỨU CHÍNH SÁCH - XÃ HỘI

Stt	Tiêu chí	Điểm đánh giá	Điểm tiêu chí/Nhóm tiêu chí
1	Tiêu chí 1: Quá trình triển khai	20	Tổng điểm tiêu chí 1 Đ_t(1)
1.1	Mức độ rõ ràng, phù hợp, linh hoạt và thích ứng với nhu cầu xã hội của định hướng nghiên cứu	10	Đ ₁
1.2	Mức độ hợp tác nghiên cứu	5	Đ ₂
1.3	Cơ chế bảo đảm liên chính khoa học và đạo đức nghiên cứu	5	Đ ₃
2	Tiêu chí 2: Kết quả đầu ra	30	Tổng điểm tiêu chí 2 Đ_t(2)
2.1	Công bố khoa học	10	Đ ₁
2.2	Ấn phẩm khoa học	10	Đ ₂
2.3	Kết quả nghiên cứu được đề xuất, kiến nghị trong hoạch định chiến lược, chính sách	10	Đ ₃
3	Tiêu chí 3: Hiệu quả sử dụng nguồn lực	25	Tổng điểm tiêu chí 3 Đ_t(3)
3.1	Kết quả nghiên cứu được áp dụng trong hoạch định chiến lược, chính sách, thể chế hóa, giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội	10	Đ ₁
3.2	Khả năng tư vấn, phản biện chính sách	10	Đ ₂
3.3	Mức độ ảnh hưởng trong cộng đồng nghiên cứu	5	Đ ₃
4	Tiêu chí 4: Tác động	25	Tổng điểm tiêu chí 4 Đ_t(4)
4.1	Tác động đến kinh tế - xã hội - môi trường	10	Đ ₁
4.2	Tác động đến thay đổi nhận thức thái độ, hành vi của xã hội	10	Đ ₂
4.3	Mức độ lan tỏa chính sách ra địa phương, ngành	5	Đ ₃
	TỔNG ĐIỂM	100	Điểm đánh giá cuối cùng ĐT = Đ_t(1)+ Đ_t(2)+ Đ_t(3)+ Đ_t(4)

Phụ lục II

HƯỚNG DẪN TÍNH ĐIỂM CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ

(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-BKHCN ngàytháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

1. ĐỐI VỚI TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHỨC NĂNG NGHIÊN CỨU CƠ BẢN

	Tiêu chí	Cách tính điểm	Tài liệu minh chứng
1	Tiêu chí 1: Quá trình triển khai (20 điểm)		
1.1	Tính mới trong định hướng nghiên cứu của tổ chức	- Được xác định qua việc xem xét chiến lược/kế hoạch nghiên cứu theo xu hướng khoa học và công nghệ mới nổi, công nghệ chiến lược của tổ chức. + Có chiến lược/kế hoạch được ban hành, có công bố khoa học quốc tế (SCI/SCIE) liên quan đến công nghệ chiến lược hoặc xu hướng công nghệ mới nổi: 8-10 điểm; + Có chiến lược/kế hoạch được ban hành, có công bố khoa học trong nước liên quan đến công nghệ chiến lược hoặc xu hướng công nghệ mới nổi: 6-7 điểm; + Có chiến lược/kế hoạch được ban hành, chủ trì nhiệm vụ nghiên cứu liên quan đến công nghệ chiến lược hoặc xu hướng công nghệ mới nổi: 5 điểm; + Có chiến lược/kế hoạch được ban hành, tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên quan đến công nghệ chiến lược hoặc xu hướng công nghệ mới nổi: 3-4 điểm; + Có chiến lược/kế hoạch được ban hành, không có công bố khoa học hoặc nhiệm vụ khoa học và công nghệ: 1-2 điểm; + Tổ chức không có chiến lược/kế hoạch nghiên cứu theo xu hướng khoa học và công nghệ mới nổi, công nghệ chiến lược: 0 điểm.	Văn bản chiến lược, kế hoạch triển khai, bài báo quốc tế, các tài liệu khác liên quan.
1.2	Mức độ hợp tác nghiên cứu	- Tính bằng: Số hợp tác nghiên cứu của tổ chức. + Có hợp đồng/thỏa thuận hợp tác nghiên cứu với ít nhất 1 đối tác quốc tế: 4-5 điểm; + Có hợp đồng/thỏa thuận hợp tác nghiên cứu với ít nhất 1 đối tác trong nước: 2-3 điểm; + Các hình thức hợp tác khác (hội nghị, hội thảo khoa học...): 1 điểm.	Hợp đồng, biên bản thỏa thuận hợp tác, tham luận hội thảo.

	Tiêu chí	Cách tính điểm	Tài liệu minh chứng
1.3	Cơ chế bảo đảm liên chính khoa học và đạo đức nghiên cứu	+ Có quy chế về liên chính khoa học, hệ thống kiểm tra đạo văn và không có cá nhân thuộc tổ chức vi phạm liên chính: 5 điểm; + Có quy chế về liên chính khoa học, hệ thống kiểm tra đạo văn và có cá nhân thuộc tổ chức vi phạm liên chính: 2 điểm; + Không có quy chế về liên chính khoa học, hệ thống kiểm tra đạo văn: 0 điểm.	Quy chế được ban hành, báo cáo thực hiện liên chính khoa học.
2	Tiêu chí 2: Kết quả đầu ra (30 điểm)		
2.1	Số lượng công bố quốc tế	- Tính bằng: Tổng điểm các công bố khoa học trên các tạp chí Q1, Q2, Q3, Q4. + Q1: 5 điểm/bài; + Q2: 3 điểm/bài; + Q3: 2 điểm/bài; + Q4: 1 điểm/bài. Tổng điểm ≥ 10 điểm thì quy đổi tròn: 10 điểm.	Tài liệu minh chứng: Cơ sở dữ liệu công bố khoa học quốc tế (WoS/Scopus). Cơ sở dữ liệu công bố khoa học Việt Nam.
2.2	Số lần trích dẫn trung bình/công bố quốc tế (3 năm gần nhất)	- Điểm số được xác định. + Trên 14 lần/bài: 9-10 điểm; + Trên 13 đến 14 lần/bài: 7-8 điểm; + Từ 12 đến 13 lần/bài: 5-6 điểm; + Từ 10 đến dưới 12 lần/bài: 3-4 điểm; + Dưới 10 lần/bài: 1 - 2 điểm.	Tài liệu minh chứng: Cơ sở dữ liệu công bố khoa học quốc tế (WoS/Scopus). Cơ sở dữ liệu công bố khoa học Việt Nam.
2.3	Số lượng công bố trong nước	- Tính bằng: Tổng điểm các công bố trong nước. + Sách chuyên khảo quốc tế có bình duyệt: 5 điểm/quyển; + Sách hướng dẫn, sách chuyên khảo, giáo trình trong nước có phản biện: 2 điểm/Sách, giáo trình; + Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học được đăng toàn văn trong kỷ yếu có phản biện: 1 điểm/báo cáo khoa học. Tổng điểm ≥ 10 điểm thì quy đổi tròn: 10 điểm.	Tài liệu minh chứng: Sách chuyên khảo, sách hướng dẫn, giáo trình, báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học...

	Tiêu chí	Cách tính điểm	Tài liệu minh chứng
3	Tiêu chí 3: Hiệu quả sử dụng nguồn lực (25 điểm)		
3.1	Số công bố quốc tế trên mỗi nhà nghiên cứu toàn thời gian	- Tính bằng: Tổng số bài SCI/SCIE/Scopus/tổng số nhà nghiên cứu toàn thời gian. + Trên 0,3: 8-10 điểm; + Từ 0,23 đến 0,3: 5-7 điểm; + Từ 0,1 đến dưới 0,23: 3-4 điểm; + Dưới 0,1: 1-2 điểm.	Tài liệu minh chứng: Cơ sở dữ liệu công bố khoa học quốc tế (WoS/Scopus). Cơ sở dữ liệu công bố khoa học Việt Nam.
3.2	Chi phí trung bình cho mỗi công bố quốc tế	- Tính bằng: Tổng chi nghiên cứu/số bài SCI/SCIE/Scopus. + Chi phí $\leq$ 400 triệu/bài: 5 điểm; tăng theo tỷ lệ nghịch.	Nguồn tham khảo: Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia.
3.3	Tỷ trọng chi cho nhóm nghiên cứu mạnh	- Tính bằng: % chi ngân sách nội bộ cho các nhóm đạt chỉ tiêu đầu ra vượt trung bình. + Từ 30% trở lên: 9-10 điểm; + Từ 20% đến dưới 30%: 7-8 điểm; + Từ 10% đến dưới 20%: 5-6 điểm; + Dưới 10%: 1-4 điểm.	Tài liệu minh chứng, báo cáo tài chính.
4	Tiêu chí 4: Tác động (25 điểm)		
4.1	Tác động đến định hướng học thuật	+ Được trích dẫn trong review, handbook: 5 điểm; + Được các cơ sở nghiên cứu, đào tạo của nước ngoài trích dẫn, sử dụng: 3 điểm; + Được cơ sở nghiên cứu, đào tạo của trong và ngoài nước mời tham gia nghiên cứu, báo cáo chuyên đề hoặc thỉnh giảng: 2 điểm.	Báo cáo trích dẫn, trích lục sách học thuật, đánh giá chuyên gia.
4.2	Được sử dụng trong đào tạo đại học và sau đại học	+ Là tài liệu giảng dạy chính thức: 7 điểm; + Được định hướng nghiên cứu trong luận văn, luận án: 3 điểm.	Giáo trình, chương trình đào tạo, xác nhận của trường đại học.

	Tiêu chí	Cách tính điểm	Tài liệu minh chứng
4.3	Vai trò trong các chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	+ Người của tổ chức đứng đầu trong các chương trình nghiên cứu mạng lưới quốc tế/nghiên cứu trọng điểm cấp quốc gia: 5 điểm; + Người của tổ chức là thành viên chính trong các chương trình nghiên cứu mạng lưới quốc tế/nghiên cứu trọng điểm cấp quốc gia: 3 điểm.	Quyết định của cấp có thẩm quyền.

2. ĐỐI VỚI TỔ CHỨC NGHIÊN THỰC HIỆN CHỨC NĂNG CỨU ỨNG DỤNG

Stt	Tiêu chí	Cách tính điểm	Tài liệu minh chứng
1	Tiêu chí 1: Quá trình triển khai (20 điểm)		
1.1	Tính mới trong định hướng nghiên cứu của tổ chức	- Được xác định qua việc xem xét chiến lược/kế hoạch nghiên cứu theo xu hướng khoa học và công nghệ mới nổi, công nghệ chiến lược của tổ chức. + Có chiến lược/kế hoạch được ban hành, có công bố khoa học quốc tế (SCI/SCIE) liên quan đến công nghệ chiến lược hoặc xu hướng công nghệ mới nổi: 8-10 điểm; + Có chiến lược/kế hoạch được ban hành, có công bố khoa học trong nước liên quan đến công nghệ chiến lược hoặc xu hướng công nghệ mới nổi: 6-7 điểm; + Có chiến lược/kế hoạch được ban hành, chủ trì nhiệm vụ nghiên cứu liên quan đến công nghệ chiến lược hoặc xu hướng công nghệ mới nổi: 5 điểm; + Có chiến lược/kế hoạch được ban hành, tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên quan đến công nghệ chiến lược hoặc xu hướng công nghệ mới nổi: 3-4 điểm; + Có chiến lược/kế hoạch được ban hành, không có công bố khoa học hoặc nhiệm vụ khoa học và công nghệ: 1-2 điểm; + Tổ chức không có chiến lược/kế hoạch nghiên cứu theo xu hướng khoa học và công nghệ mới nổi, công nghệ chiến lược: 0 điểm.	Văn bản chiến lược, kế hoạch triển khai, bài báo quốc tế, các tài liệu khác liên quan.
1.2	Mức độ hợp tác nghiên cứu	- Tính bằng: Số lần hợp tác nghiên cứu của tổ chức. + Có hợp đồng/thỏa thuận hợp tác nghiên cứu với ít nhất 1 đối tác quốc tế là tổ chức nghiên cứu hoặc doanh nghiệp: 4-5 điểm; + Có hợp đồng/thỏa thuận hợp tác nghiên cứu với ít nhất 1 đối tác trong nước là tổ chức nghiên cứu hoặc doanh nghiệp: 2-3 điểm; + Các hình thức hợp tác khác (hội nghị, hội thảo khoa học...): 1 điểm.	Hợp đồng, biên bản thỏa thuận hợp tác, tham luận hội thảo.

Stt	Tiêu chí	Cách tính điểm	Tài liệu minh chứng
1.3	Cơ chế bảo đảm liên chính khoa học và đạo đức nghiên cứu	+ Có quy chế về liên chính khoa học, hệ thống kiểm tra đạo văn và không có cá nhân thuộc tổ chức vi phạm liên chính: 5 điểm; + Có quy chế về liên chính khoa học, hệ thống kiểm tra đạo văn và có cá nhân thuộc tổ chức vi phạm liên chính: 2 điểm; + Không có quy chế về liên chính khoa học, hệ thống kiểm tra đạo văn: 0 điểm.	Quy chế được ban hành, báo cáo thực hiện liên chính khoa học.
2	Tiêu chí 2: Kết quả đầu ra (30 điểm)		
2.1	Công bố khoa học	- Tính bằng: Tổng điểm các công bố khoa học. + Công bố quốc tế: 2 điểm/bài; + Công bố trong nước: 1 điểm/bài. Tổng điểm ≥ 10 điểm thì quy đổi tròn: 10 điểm.	Cơ sở dữ liệu công bố khoa học quốc tế (WoS/Scopus), Cơ sở dữ liệu công bố khoa học Việt Nam.
2.2	Sáng chế, giải pháp hữu ích, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng/chăn nuôi/thủy sản	- Tính bằng: Tổng số điểm các đơn, bằng sáng chế, giải pháp hữu ích, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng/chăn nuôi/thủy sản. + Bằng độc quyền sáng chế được cấp: 5 điểm/bằng; + Bằng độc quyền giải pháp hữu ích hoặc giấy chứng nhận đăng ký thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn hoặc văn bằng bảo hộ giống cây trồng, chăn nuôi, thủy sản hoặc: 3 điểm/bằng; + Đơn đăng ký được chấp nhận: 1 điểm/đơn. Tổng điểm ≥ 10 điểm thì quy đổi tròn: 10 điểm.	Tài liệu minh chứng (bản sao bằng, văn bằng liên quan về sáng chế, giải pháp hữu ích, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng/chăn nuôi/thủy sản).
2.3	Kết quả mô hình thử nghiệm, thông số kỹ thuật	- Tính bằng: Tổng điểm các kết quả mô hình thử nghiệm, thông số kỹ thuật. + Mô hình hoặc nguyên mẫu thử nghiệm: 5 điểm; + Xác định được các tính năng, thông số kỹ thuật và khả năng áp dụng: 3 điểm; + Có báo cáo kết quả thử nghiệm hoặc kiểm chứng tính năng: 2 điểm. Tổng điểm ≥ 10 điểm thì quy đổi tròn: 10 điểm.	Có báo cáo mô hình, thử nghiệm, thông số kỹ thuật và khả năng áp dụng và các tài liệu liên quan.

Stt	Tiêu chí	Cách tính điểm	Tài liệu minh chứng
3	Tiêu chí 3: Hiệu quả sử dụng nguồn lực (25 điểm)		
3.1	Số lượng sáng chế, giải pháp hữu ích, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng/chăn nuôi/thủy sản trên mỗi tổ chức nghiên cứu	- Tính bằng: Số lượng sáng chế, giải pháp hữu ích, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng/chăn nuôi/thủy sản trên mỗi tổ chức nghiên cứu. + Có 1: 5 điểm; + Có 2: 6 điểm; + Có 3: 7 điểm; + Có 4: 8 điểm; + Có từ 5 trở lên: 10 điểm.	Tài liệu minh chứng (bản sao bằng, văn bằng liên quan về sáng chế, giải pháp hữu ích, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng/chăn nuôi/thủy sản)
3.2	Chi phí trung bình cho mỗi sáng chế, giải pháp hữu ích, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn giống cây trồng/chăn nuôi/thủy sản, mô hình thử nghiệm	- Tính bằng: Kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển chia cho số sáng chế, giải pháp hữu ích, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn giống cây trồng/chăn nuôi/thủy sản, mô hình thử nghiệm. + Dưới 800 triệu: 5 điểm; + 800 triệu đến 1 tỷ: 3-4 điểm + Trên 1 tỷ: 1-2 điểm.	Tài liệu minh chứng cho chi phí nghiên cứu và phát triển, bản chụp văn bằng tương ứng kèm theo.
3.3	Tỷ lệ doanh thu bên ngoài trên tổng doanh thu của tổ chức	+ Trên 30% tổng kinh phí: 10 điểm; + Từ 15% đến 30%: 6-8 điểm; + Dưới 15%: tối đa 5 điểm.	Tài liệu chứng minh: Báo cáo tài chính/các hợp đồng với đối tác bên ngoài.

Stt	Tiêu chí	Cách tính điểm	Tài liệu minh chứng
4	Tiêu chí 4: Tác động (25 điểm)		
4.1	Kết quả nghiên cứu được tiếp nhận, sử dụng hoặc phát triển tiếp	- Tính bằng: Số kết quả nghiên cứu được một tổ chức tiếp nhận, sử dụng trực tiếp hoặc sử dụng làm căn cứ để phê duyệt một nhiệm vụ nghiên cứu tiếp theo hoặc làm căn cứ chuyển sang giai đoạn phát triển công nghệ. + Có 1 kết quả: 2 điểm; + Có 2 kết quả: 4 điểm; + Có 3 kết quả: 5 điểm; + Có 4 kết quả: 6 điểm; + Có 5 kết quả: 7 điểm; + Có 6 kết quả: 8 điểm; + Có 7 kết quả trở lên: 10 điểm.	Hợp đồng, quyết định cấp kinh phí nghiên cứu tiếp.
4.2	Được sử dụng làm căn cứ để ban hành tiêu chuẩn, định mức kỹ thuật ngành	- Tính bằng: Số lượng tiêu chuẩn, định mức kỹ thuật ngành có trích dẫn hoặc sử dụng kết quả nghiên cứu. + Có 1 tiêu chuẩn hoặc định mức sử dụng: 5 điểm; + Có 2 tiêu chuẩn hoặc định mức sử dụng: 7 điểm; + Có 3 tiêu chuẩn hoặc định mức sử dụng: 9 điểm; + Có 4 tiêu chuẩn hoặc định mức sử dụng trở lên: 10 điểm.	Tài liệu chứng minh về tiêu chuẩn, định mức kỹ thuật ngành được ban hành.
4.3	Thúc đẩy liên kết viện nghiên cứu - trường đại học - doanh nghiệp	- Tính bằng: Tổng điểm đạt được của điểm thành phần dưới đây. + Có mô hình liên kết viện, trường, doanh nghiệp: 1 điểm; + Có nguồn lực tài chính, nhân lực hỗ trợ mô hình liên kết: 2 điểm; + Có sản phẩm hợp tác: 2 điểm.	Thỏa thuận hợp tác được ký kết và các văn bản, sản phẩm minh chứng.

3. ĐỐI VỚI TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHỨC NĂNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ

Stt	Tiêu chí	Cách tính điểm	Tài liệu minh chứng
1	Tiêu chí 1: Quá trình triển khai (20 điểm)		
1.1	Thiết kế, tích hợp và kiểm chứng kết quả nghiên cứu, phát triển công nghệ	+ Có hệ thống tích hợp công nghệ rõ ràng, thực hiện đầy đủ các bước thiết kế - chế tạo - kiểm thử: 5 điểm/kết quả; + Có thiết kế, nhưng tích hợp từng phần, kiểm chứng chưa đầy đủ: 3-4 điểm/kết quả; + Mới chỉ có thiết kế, chưa thực hiện kiểm chứng toàn trình: 1-2 điểm/kết quả.	Báo cáo nhiệm vụ, bản thiết kế kỹ thuật, biên bản kiểm thử nội bộ/độc lập.
1.2	Mức độ nội địa hóa, làm chủ các thành phần công nghệ chính	+ Tự chủ $\geq 70\%$ công nghệ cốt lõi, không phụ thuộc nhập khẩu: 9-10 điểm; + Làm chủ 40 - 69% công nghệ cốt lõi: 6-8 điểm; + Làm chủ dưới 40% công nghệ hoặc chủ yếu lắp ráp: 3-5 điểm.	Bản mô tả công nghệ, chứng minh sở hữu hoặc tự phát triển. So sánh tỷ lệ nội địa hóa theo tỷ trọng linh kiện, phần mềm, công nghệ.
1.3	Liên kết sản xuất thử nghiệm, sản xuất với doanh nghiệp	+ Có hợp tác cụ thể với ≥ 2 đơn vị sản xuất thử/doanh nghiệp đầu cuối: 4-5 điểm; + Có hợp tác nhưng chưa rõ ràng về vai trò: 2-3 điểm; + Không có kết nối cụ thể: 0-1 điểm, mức độ tham gia, đồng phát triển hoặc ứng dụng thử.	Thỏa thuận hợp tác, biên bản nghiệm thu, văn bản phối hợp.
2	Tiêu chí 2: Kết quả đầu ra (30 điểm)		
2.1	Sáng chế, giải pháp hữu ích, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng/chăn nuôi/thủy sản được thương mại hóa	- Tính bằng: Tổng điểm các bằng, văn bằng. + Bằng độc quyền sáng chế được thương mại hóa: 10 điểm/bằng; + Văn bằng bảo hộ giống cây trồng/chăn nuôi/thủy sản được thương mại hóa: 8 điểm/văn bằng; + Bằng độc quyền giải pháp hữu ích hoặc giấy chứng nhận thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn được thương mại hóa: 5 điểm/bằng. Tổng điểm ≥ 10 điểm thì quy đổi tròn: 10 điểm.	Hợp đồng minh chứng.

Stt	Tiêu chí	Cách tính điểm	Tài liệu minh chứng
2.2	Sản phẩm thử nghiệm đạt tiêu chuẩn kỹ thuật, được kiểm định bởi cơ quan độc lập	+ Có sản phẩm thử nghiệm hoàn chỉnh, được tổ chức kiểm định công nhận: 9-10 điểm; + Có sản phẩm thử nghiệm, đang kiểm định: 6-8 điểm; + Có nguyên mẫu chưa kiểm định: 3-5 điểm.	Biên bản kiểm định, chứng nhận tiêu chuẩn, hình ảnh sản phẩm.
2.3	Quy trình công nghệ được hoàn thiện và chuyển giao	- Tính bằng: Tổng điểm các quy trình công nghệ được hoàn thiện và chuyển giao. + Có quy trình công nghệ được chuyển giao : 5 điểm/quy trình; + Có quy trình công nghệ được hoàn thiện: 3 điểm/quy trình. - Tổng điểm ≥ 10 điểm thì quy đổi tròn: 10 điểm.	Hình ảnh triển khai, báo cáo, văn bản xác nhận.
3	Tiêu chí 3: Hiệu quả sử dụng nguồn lực (25 điểm)		
3.1	Tỷ lệ thương mại hóa của kết quả đầu ra	+ Trên 50%: 8-10 điểm; + Từ 30% đến 50%: 5-7 điểm; + Dưới 30%: tối đa 4 điểm.	Các văn bản minh chứng về số lượng thương mại hóa thành công trên kết quả đầu ra (Sáng chế, giải pháp hữu ích, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn giống cây trồng, chăn nuôi/thủy sản, sản phẩm thử nghiệm đạt tiêu chuẩn kỹ thuật, được kiểm định bởi cơ quan độc lập,...)
3.2	Tỷ lệ doanh thu trên chi phí nghiên cứu phát triển của tổ chức	+ Tỷ lệ doanh thu/chi phí R&D ≥ 5 lần sau 3 năm hoặc 10 lần sau 5 năm: 10 điểm; + Tỷ lệ doanh thu/chi phí R&D < 5 lần sau 3 năm hoặc < 10 lần sau 5 năm: tối đa 9 điểm; + Tỷ lệ doanh thu/chi phí R&D ≤ 1: tối đa 5 điểm.	Báo cáo tài chính, số liệu doanh thu trực tiếp...để minh chứng.
3.3	Số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo được hình thành trong 3 năm gần nhất.	+ Có doanh nghiệp: 5 điểm.	Tài liệu minh chứng.

Stt	Tiêu chí	Cách tính điểm	Tài liệu minh chứng
4	Tiêu chí 4: Tác động (25 điểm)		
4.1	Nâng cao năng lực công nghệ cho các doanh nghiệp	- Tính bằng: Tổng điểm doanh nghiệp được hỗ trợ nâng cao năng lực công nghệ. + Chuyển giao công nghệ, quy trình sản xuất: 5 điểm/doanh nghiệp + Tư vấn cải tiến, đổi mới công nghệ, thiết bị, quy trình quản lý sản xuất: 4 điểm/doanh nghiệp + Đào tạo nhân lực kỹ thuật, cán bộ nghiên cứu R&D của doanh nghiệp: 3 điểm/doanh nghiệp + Hỗ trợ thử nghiệm, kiểm chứng, đánh giá sản phẩm mẫu: 2 điểm/doanh nghiệp + Xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kỹ thuật phục vụ sản xuất: 1 điểm/doanh nghiệp Tổng điểm ≥ 10 điểm thì quy đổi tròn: 10 điểm.	Hợp đồng chuyển giao công nghệ, dịch vụ kỹ thuật; Biên bản nghiệm thu hoạt động hỗ trợ; Danh sách học viên/nhân sự DN tham gia đào tạo có xác nhận; Báo cáo kết quả hỗ trợ doanh nghiệp, xác nhận của DN về tác động nâng cao năng lực công nghệ.
4.2	Tác động đến xã hội và môi trường	- Tác động của kết quả đầu ra bao gồm: + Tác động xã hội: Nâng cao hiệu quả quản lý xã hội, năng suất lao động, cải thiện chất lượng cuộc sống, giáo dục... + Tác động đến y tế: Cải thiện an toàn, chăm sóc sức khỏe cộng đồng... + Tác động đến môi trường: Giảm thiểu ô nhiễm, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường... - Tính bằng: Số lượng tác động của kết quả đầu ra. + Từ 6 tác động trở lên: 9-10 điểm + 4-5 tác động: 6-8 điểm + 3 tác động: 5 điểm + Dưới 3 tác động: Tối đa 4 điểm	Báo cáo đánh giá tác động, kèm theo minh chứng.
4.3	Nâng cao năng lực công nghệ của lĩnh vực nghiên cứu	+ Tạo ra bước tiến vượt bậc về năng lực công nghệ quốc gia trong lĩnh vực nghiên cứu (từ nhập khẩu sang làm chủ, từ làm chủ sang sáng tạo), góp phần thay thế sản phẩm nhập khẩu và mở rộng chuỗi giá trị trong nước: Tối đa 5 điểm.	Tài liệu minh chứng.

4. ĐỐI VỚI TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHỨC NĂNG NGHIÊN CỨU CHÍNH SÁCH KINH TẾ – XÃ HỘI

Stt	Tiêu chí	Cách tính điểm	Tài liệu minh chứng
1	Tiêu chí 1: Quá trình triển khai (20 điểm)		
1.1	Mức độ rõ ràng, phù hợp, linh hoạt và thích ứng với nhu cầu xã hội của định hướng nghiên cứu	- Tính bằng: Tổng điểm các điểm thành phần dưới đây. + Định hướng chiến lược nghiên cứu được xây dựng bài bản, gắn với các mục tiêu quốc gia/ngành cụ thể: 6 điểm; + Có kế hoạch nghiên cứu về các vấn đề kinh tế - xã hội mới nảy sinh: 4 điểm.	Văn bản chiến lược nghiên cứu và thuyết minh; kế hoạch nghiên cứu các vấn đề kinh tế - xã hội.
1.2	Mức độ hợp tác nghiên cứu	+ Có hợp đồng/thỏa thuận hợp tác nghiên cứu với ít nhất 1 đối tác quốc tế: 4-5 điểm; + Có hợp đồng/thỏa thuận hợp tác nghiên cứu với ít nhất 1 đối tác trong nước: 2-3 điểm; + Các hình thức hợp tác khác (hội nghị, hội thảo khoa học...): 1 điểm.	Hợp đồng, biên bản thỏa thuận hợp tác, tham luận hội thảo.
1.3	Cơ chế bảo đảm liêm chính khoa học và đạo đức nghiên cứu	+ Có quy chế về liêm chính khoa học, hệ thống kiểm tra đạo văn và không có cá nhân thuộc tổ chức vi phạm liêm chính: 5 điểm; + Có quy chế về liêm chính khoa học, hệ thống kiểm tra đạo văn và có cá nhân thuộc tổ chức vi phạm liêm chính: 2 điểm; + Không có quy chế về liêm chính khoa học, hệ thống kiểm tra đạo văn: 0 điểm.	Quy chế được ban hành, báo cáo thực hiện liêm chính khoa học.
2	Tiêu chí 2: Kết quả đầu ra (30 điểm)		
2.1	Công bố khoa học	- Tính bằng: Tổng điểm các điểm thành phần dưới đây. + Bài báo khoa học quốc tế: 2 điểm/bài; + Bài báo khoa học trong nước: 2 điểm/bài. Tổng điểm ≥ 10 điểm thì quy đổi tròn: 10 điểm.	Cơ sở dữ liệu công bố khoa học quốc tế (WoS/Scopus), Cơ sở dữ liệu công bố khoa học Việt Nam.
2.2	Ấn phẩm khoa học	- Tính bằng: Tổng điểm các điểm thành phần dưới đây. + Sách chuyên khảo, tham khảo, sách hướng dẫn: 3 điểm/sách; + Giáo trình: 2 điểm/giáo trình;	Tài liệu minh chứng: Sách chuyên khảo, sách hướng dẫn, giáo trình, báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học...

Stt	Tiêu chí	Cách tính điểm	Tài liệu minh chứng
		+ Báo cáo khoa học: 1 điểm/báo cáo. Tổng điểm ≥ 10 điểm thì quy đổi tròn: 10 điểm.	
2.3	Kết quả nghiên cứu được đề xuất, kiến nghị trong hoạch định chiến lược, chính sách	+ Có ≥ 5 đề xuất minh chứng rõ trong báo cáo/chuyên đề gửi cơ quan nhà nước: 9-10 điểm; + Có từ 3-4 đề xuất với minh chứng: 6-8 điểm; + Có 1-2 đề xuất hoặc thiếu minh chứng rõ ràng: 2-5 điểm.	Báo cáo kiến nghị, danh mục đề xuất, thư tiếp nhận từ cơ quan chủ trì đối thoại hoặc cơ quan thẩm quyền.
3	Tiêu chí 3: Hiệu quả sử dụng nguồn lực (25 điểm)		
3.1	Kết quả nghiên cứu được áp dụng trong hoạch định chiến lược, chính sách, thể chế hóa, giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội	+ Có ≥ 2 nội dung được dẫn chiếu, tích hợp trong văn bản pháp luật/chiến lược cấp trung ương, bộ, địa phương: 9-10 điểm; + Có bằng chứng nội dung được sử dụng hoặc trích dẫn trong các báo cáo chính thức: 5-8 điểm; + Có dấu hiệu tiếp thu nhưng chưa có bằng chứng rõ: 2-4 điểm.	Văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, nghị quyết có trích dẫn nội dung nghiên cứu; xác nhận sử dụng nội bộ của cơ quan ban hành chính sách.
3.2	Khả năng tư vấn, phản biện chính sách	+ Tham gia ≥ 2 hội đồng tư vấn chính sách cấp bộ/ngành hoặc quốc gia trong năm: 9-10 điểm; + Tham gia 1 hội đồng tư vấn chính sách cấp bộ/ngành hoặc quốc gia trong năm: 7-8 điểm; + Tham gia đối thoại chính sách cấp cao có văn bản xác nhận: 5-6 điểm; + Chỉ tham gia cấp thấp hoặc chưa có minh chứng: 2-4 điểm.	Quyết định mời tham gia, biên bản hội thảo đối thoại, thư mời phản biện, báo cáo trình bày.
3.3	Mức độ ảnh hưởng trong cộng đồng nghiên cứu.	+ Có thành viên tham gia hội đồng thẩm định nhà nước, ngành: 4-5 điểm; + Có đóng góp xây dựng chính sách học thuật chuyên sâu: 2-3 điểm; + Tham gia nhóm nghiên cứu cấp bộ/ngành: 1 điểm.	Quyết định bổ nhiệm, danh sách hội đồng, chương trình nghiên cứu.

Stt	Tiêu chí	Cách tính điểm	Tài liệu minh chứng
4	Tiêu chí 4: Tác động (25 điểm)		
4.1	Tác động đến kinh tế - xã hội - môi trường	+ Được định hướng nghiên cứu trong luận văn, luận án hoặc có dự án thực địa hoặc sáng kiến đã được triển khai: 8-10 điểm; + Có báo cáo đánh giá hoặc các kết quả được đăng tải lên phương tiện truyền thông: 5-7 điểm; + Mới dừng ở kiến nghị học thuật: 2-4 điểm.	Báo cáo đánh giá, hình ảnh hoạt động, tài liệu truyền thông.
4.2	Tác động đến thay đổi nhận thức thái độ, hành vi của xã hội	+ Có báo cáo nghiên cứu xã hội học về thay đổi nhận thức, thái độ, hành vi và báo cáo đánh giá tác động về thay đổi hành vi xã hội trên quy mô ngành, vùng: 8-10 điểm; + Có báo cáo khảo sát, thống kê, phản hồi cộng đồng về thay đổi hành vi xã hội trên quy mô ngành, vùng. 5-7 điểm; + Có hoạt động truyền thông, đào tạo nâng cao nhận thức cộng đồng: 2-4 điểm.	Bài báo được cơ quan quản lý hoặc khảo sát độc lập ghi nhận, báo cáo khảo sát, thống kê... để minh chứng.
4.3	Mức độ lan tỏa chính sách ra địa phương, ngành	+ Có ≥ 2 tỉnh, bộ ngành áp dụng: 4-5 điểm; + Có 1 tỉnh, bộ ngành tiếp nhận hoặc thử nghiệm: 2-3 điểm.	Văn bản xác nhận, báo cáo tổng hợp, văn bản áp dụng.